

MHN-TD

MHN-TD 250W/842 FC2 1CT/12

Bóng đèn halogen kim loại thạch anh 2 đầu

Cảnh báo và An toàn

- Chỉ sử dụng với những bộ đèn kín hoàn toàn, ngay cả trong quá trình thử nghiệm (IEC61167, IEC 62035, IEC60598)
- Bộ đèn phải có khả năng giữ lại mảnh vỡ nóng khi bóng đèn bị vỡ
- Bộ điều khiển phải có tính năng bảo vệ vào cuối thời hạn sử dụng (IEC61167, IEC 62035)
- Khả năng bóng đèn vỡ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dùng là gần như không thể. Nếu bóng đèn bị vỡ, hãy thông gió cho phòng trong 30 phút và tháo các bộ phận ra, tốt hơn là nên đeo găng tay. Đặt các bộ phận vào một túi nhựa kín và mang đến các cơ sở xử lý chất thải địa phương để tái chế. Không sử dụng máy hút bụi.

Dữ liệu sản phẩm

Thông tin chung	
Đế dui đèn	FC2 [FC2]
Vị trí vận hành	P45 [Song song +/-45D hoặc Ngang (HOR)]
Tuổi thọ đến khi hỏng 5% (Tối thiểu)	4000 h
Tuổi thọ đến khi hỏng 5% (Danh định)	5000 h
Tuổi thọ đến khi hỏng 20% (Tối thiểu)	5800 h
Tuổi thọ đến khi hỏng 20% (Danh định)	7000 h
Tuổi thọ đến khi hỏng 50% (Tối thiểu)	7500 h
Tuổi thọ đến khi hỏng 50% (Danh định)	9000 h
Mã HID theo ANSI	-
Ghi chú HID 1	Đặc điểm màu sắc có thể khác biệt đôi chút giữa các loại bóng đèn khác nhau. Cần mất một khoảng thời gian để bóng đèn đạt ổn định về màu sắc sau khi được bật lần đầu tiên hoặc vì lý do nào đó mà vị trí hoạt động của đèn bị thay đổi. Khoảng thời gian này có thể lên tới vài giờ và trong một vài lần bật đầu tiên. Màu sắc bóng đèn và quang thông có thể tạm thời thay đổi nếu bóng đèn bị rung hoặc bị va chạm mạnh. Các đặc tính màu sắc của bóng đèn có thể thay đổi sau một thời gian sử dụng lâu dài.
Ghi chú HID 2	Để đạt mức hiệu suất mong muốn, phải đảm bảo đúng vị trí hoạt động đã chỉ định cho đèn. (374)
Thông số kĩ thuật ánh sáng	
Mã màu	842 [CCT 4200K]
Quang thông (Định mức) (Tối thiểu)	18000 lm
Quang thông (Định mức) (Danh định)	20000 lm
Ký hiệu màu sắc	Trắng mát (CW)
Hệ số duy trì quang thông 10000 giờ (Tối thiểu)	50 %
Hệ số duy trì quang thông 10000 giờ (Danh định)	60 %
Hệ số duy trì quang thông 2000 giờ (Tối thiểu)	69 %

MHN-TD

Hệ số duy trì quang thông 2000 giờ (Danh định)	75 %
Hệ số duy trì quang thông 5000 giờ (Tối thiểu)	63 %
Hệ số duy trì quang thông 5000 giờ (Danh định)	70 %
Tọa độ màu X (Danh định)	370
Tọa độ màu Y (Danh định)	365
Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	4200 K
Quang hiệu (định mức) (Danh định)	80 lm/W
Chỉ số hoàn màu (Danh định)	85

Thông số vận hành và điện

Công suất (Danh định)	250,0 W
Dòng điện bóng đèn khi tăng độ sáng (Tối đa)	4,5 A
Dòng điện bóng đèn (EM) (Danh định)	3 A
Điện áp nguồn kích đèn (Tối đa)	198 V
Điện áp định kích đèn (Tối đa)	3500 V
Điện áp nguồn kích đèn (Tối thiểu)	198 V
Điện áp (Tối đa)	110 V
Điện áp (Tối thiểu)	85 V
Điện áp (Danh định)	95 V

Điều khiển và thay đổi độ sáng

Có thể điều chỉnh độ sáng	Không
---------------------------	-------

Cơ khí và bộ vỏ

Lớp hoàn thiện bóng đèn	Trong suốt
Thông tin về đế dui đèn	-

Phê duyệt và Ứng dụng

Nhân tiết kiệm năng lượng (EEL)	A
Hàm lượng thủy ngân (Hg) (Danh định)	16 mg
Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h	277 kWh

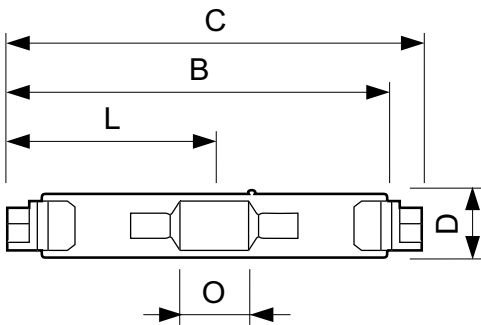
Các yêu cầu thiết kế bộ đèn

Nhiệt độ bóng đèn (Tối đa)	650 °C
Nhiệt độ vấu kẹp (Tối đa)	280 °C

Thông số sản phẩm

Mã sản phẩm đầy đủ	871150073400615
Tên sản phẩm khác	MHN-TD 250W/842 FC2 1CT/12
EAN/UPC - Sản phẩm	8711500734006
Mã đơn hàng	928078605121
Phần tử - Số lượng trên một bộ	1
Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài	12
Số vật liệu (12 chữ số)	928078605121
Trọng lượng tịnh SAP (Bộ)	0,054 kg
Mã ILCOS	MD-250/42/1B-H-FC2-/H

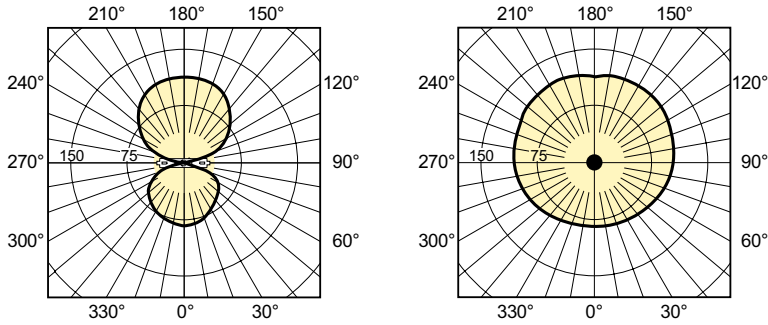
Bản vẽ kích thước



MHN-TD 250W/842 FC2

Product	D (max)	D	O	C (max)
MHN-TD 250W/842 FC2 1CT/12	27,5 mm	1,08 in	27 mm	161,6 mm

Dữ liệu phân bố ánh sáng



LDLD_MHN-TD-Light distribution diagram

Tuổi thọ

